

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 1093/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Việt Trì, ngày 23 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án kiểm kê quỹ đất của các tổ chức theo
Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14/12/2007 của
Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 373/BTNMT-ĐKTKĐĐ ngày 30/01/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm kê quỹ đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 543/TTr-TNMT ngày 22/4/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án kiểm kê quỹ đất của các tổ chức theo Chỉ thị 31/2007/CT-TTg ngày 14/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Giao Ban chỉ đạo Kiểm kê tỉnh chỉ đạo thực hiện phương án; Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các tổ chức đang quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Việt Trì, ngày 23 tháng 4 năm 2008

PHƯƠNG ÁN

Kiểm kê quỹ đất của các tổ chức theo Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1093/QĐ-UBND ngày 23/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

PHẦN MỞ ĐẦU

I - SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN KIỂM KÊ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TỔ CHỨC:

Qua quá trình kiểm tra và theo dõi tình hình quản lý, sử dụng đất của các tổ chức trên địa bàn tỉnh cho thấy tình trạng vi phạm Luật Đất đai vẫn còn xảy ra, như tranh chấp; lấn, chiếm; sử dụng đất không đúng mục đích được giao; không sử dụng hoặc sử dụng đất kém hiệu quả; cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng đất trái pháp luật;...

Mặt khác, trong những năm trước đây ở nhiều nơi việc lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các tổ chức đo đạc bằng công nghệ cũ nên độ chính xác không cao; biến động đất đai không được cập nhật, chỉnh lý đầy đủ và kịp thời trong hồ sơ địa chính, gây khó khăn cho công tác quản lý Nhà nước đối với tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Vì vậy, thực hiện yêu cầu của Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê quỹ đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhằm đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng đất của các tổ chức trên địa bàn và từ đó đề xuất các biện pháp quản lý Nhà nước về đất đai đảm bảo việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả là yêu cầu cần thiết.

II- CƠ SỞ PHÁP LÝ THỰC HIỆN KIỂM KÊ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TỔ CHỨC:

1. Luật Đất đai năm 2003;

2. Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê quỹ đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức được Nhà Nước giao đất, cho thuê đất;

3. Kế hoạch số 765/BTNMT-ĐKTKĐĐ ngày 05 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức theo Chỉ thị 31/2007/CT-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2007;

4. Thông tư số 08/2007/TT-BTNMT ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

III - TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÁC TỔ CHỨC

1. Tình hình chung

Theo số liệu tổng hợp từ các huyện, thị, thành báo cáo đến hết tháng 3/2008 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có 3.755 tổ chức sử dụng đất thuộc đối tượng thực hiện kiểm kê đất đai theo quy định tại Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg (không kể các tổ chức sử dụng đất nông lâm trường và đất an ninh, quốc phòng do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh kiểm kê), với tổng diện tích đang quản lý, sử dụng là 17.874,01 ha, trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp là 11.497,23 ha.
- Diện tích đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp là 445,62 ha;
- Diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 2.796,64 ha;
- Diện tích đất có mục đích công cộng là 1.754,39 ha;
- Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa là 1.287,31 ha;
- Diện tích đất ở là 78,46 ha;
- Diện tích đất phi nông nghiệp khác là 14,36 ha.

2. Hiện trạng thông tin, tư liệu

Các thông tin, tư liệu phục vụ cho công tác kiểm kê đất của các tổ chức trên địa bàn tỉnh bao gồm:

- Các quyết định giao đất, cho thuê đất đối với khu đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức;
- Bản đồ địa giới hành chính các cấp;
- Bản đồ địa chính chính quy: Việt Trì (17/22 xã), thị xã Phú Thọ (10/10 xã), huyện Hạ Hòa (17/33 xã), huyện Thanh Ba (26/26 xã), xã La Phù (huyện Thanh Thủy) và các thị trấn của các huyện còn lại;
- Bản đồ địa chính cơ sở;
- Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các tổ chức: 1.062 tổ chức.
- Hồ sơ địa chính đã có và lưu ở 3 cấp của 244 xã.

Nhìn chung, các tài liệu hiện có phản ánh tương đối đầy đủ các thông tin có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất của các tổ chức; tuy nhiên, để có thông tin phản ánh chính xác, cụ thể và đầy đủ đến từng tổ chức theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường cần phải có thời gian rà soát, đối chiếu, điều chỉnh hoặc bổ sung thông tin hồ sơ để xây dựng một bộ hồ sơ hoàn chỉnh.

3. Kết quả rà soát quỹ đất cần đo đạc xác định diện tích của các tổ chức

Theo số liệu tổng hợp báo cáo của các huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh và căn cứ vào các tài liệu hiện có, trong tổng số 3.755 tổ chức có:

- Số tổ chức trích lục bản đồ là: 1.354 tổ chức;
- Số tổ chức chỉnh lý trích lục bản đồ là: 702 tổ chức;
- Số tổ chức trích đo địa chính là: 1.699 tổ chức.

(Phụ biểu chi tiết đến từng huyện và theo từng quy mô diện tích kèm theo)

PHẦN II

MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG KIỂM KÊ

I- Mục tiêu kiểm kê:

Xác định rõ diện tích đất mà các tổ chức đang quản lý, sử dụng; diện tích đất lấn chiếm, diện tích đất bị lấn chiếm; diện tích sử dụng đất sai mục đích; diện tích đất chuyển nhượng, cho thuê trái phép; diện tích đất chưa đưa vào sử dụng;... để đánh giá thực trạng việc quản lý, sử dụng đất của các tổ chức; làm cơ sở đề xuất biện pháp quản lý việc sử dụng đất của các tổ chức trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

II- Phạm vi, đối tượng kiểm kê:

1. Phạm vi kiểm kê:

- Kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức được tiến hành đồng thời trên phạm vi toàn tỉnh, theo từng đơn vị hành chính các cấp, trong đó xã, phường, thị trấn là đơn vị cơ bản thực hiện kiểm kê quỹ đất của các tổ chức. Kiểm kê các loại đất của các tổ chức được Nhà nước giao, cho thuê, cụ thể như sau:

+ Đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác;

+ Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp;

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (trừ đất của các hợp tác xã nông nghiệp);

- + Đất có mục đích công cộng;
- + Đất sông suối, mặt nước chuyên dùng và đất chưa sử dụng (trừ đất sông suối, đất mặt nước chuyên dùng và đất chưa sử dụng do UBND cấp xã quản lý).
- + Đất Nhà nước đã thu hồi cho Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý;
- + Đất quốc phòng, an ninh (thực hiện kiểm kê theo quy định riêng và được tổng hợp theo báo cáo của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh);
- Số liệu kiểm kê quỹ đất của các tổ chức trên địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện được tổng hợp từ cấp xã; số liệu kiểm kê quỹ đất của các tổ chức trên địa bàn đơn vị hành chính cấp tỉnh được tổng hợp từ cấp huyện.

2. Đối tượng kiểm kê

- Kiểm kê tất cả các loại đất do các tổ chức đang quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công, tổ chức kinh tế, tổ chức kinh tế - xã hội, tổ chức nước ngoài đầu tư tại tỉnh.
- Đối với đơn vị quân đội nhân dân Việt Nam, đơn vị công an thực hiện theo quy định của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh.
- Không kiểm kê đất của các tổ chức được Nhà nước giao quản lý (trừ đất giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý); đất do cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng; đất của các hợp tác xã nông nghiệp; các hộ sản xuất cá thể thuộc ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản; các cơ sở kinh tế đã ngừng hoạt động, đang chờ giải thể, phá sản hoặc ngừng lâu dài để chờ chuyển hướng hoạt động kinh doanh; cho thuê bất động sản, các cơ sở sản xuất kinh doanh theo mùa vụ (kể cả trường hợp cơ sở đó vẫn có người quản lý).

IV - NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU KIỂM KÊ:

1. Nội dung kiểm kê:

- Kiểm kê diện tích đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo mục đích sử dụng. Tiêu chí các loại đất thực hiện theo Thông tư số 08/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Kiểm kê diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích đất lấn, chiếm; diện tích đất bị lấn, bị chiếm; diện tích đang tranh chấp; diện tích đất chuyển nhượng, cho thuê trái phép; diện tích đất đã đưa vào sử dụng nhưng còn để hoang hóa; diện tích đất chưa sử dụng; diện tích đất sử dụng sai mục đích.
- Lập bản trích lục hoặc trích đo địa chính khu đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức có trong đơn vị hành chính cấp xã.

- Hiện trạng diện tích tính theo loại đất của các tổ chức phải được đối chiếu giữa hồ sơ giao đất, cho thuê đất, hồ sơ địa chính, các số liệu kiểm kê đất đã có trước đây và hiện trạng sử dụng đất trên thực tế, được thể hiện trên bảng số liệu và trên bản đồ địa chính hoặc trên bản trích đo địa chính.

- Lập báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng đất của các tổ chức.

Nội dung thực hiện ở các cấp cụ thể như sau:

a) Cấp tỉnh:

+ Công tác chuẩn bị:

- Xây dựng phương án, kế hoạch kiểm kê;

- Thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê;

- Tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ (đến cấp huyện);

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- In, nhân sao và cấp phát mẫu biểu kiểm kê đất đai.

+ Trích lục hoặc trích đo địa chính khu đất của các tổ chức.

+ Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra cấp huyện thực hiện kiểm kê đất của các tổ chức trên địa bàn huyện.

+ Thẩm định, nghiệm thu kết quả kiểm kê quỹ đất các tổ chức cấp huyện.

+ Tổng hợp kết quả kiểm kê và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê quỹ đất của các tổ chức trên địa bàn tỉnh.

+ Nhân sao và giao nộp sản phẩm.

b) Cấp huyện:

+ Thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê;

+ Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng;

+ Tập huấn nghiệp vụ cho các xã và các tổ chức; hướng dẫn và phát tờ kê khai cho các tổ chức;

+ Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra cấp xã thực hiện kiểm kê đất của các tổ chức trên địa bàn huyện, thị, thành;

+ Thẩm định, nghiệm thu kết quả kiểm kê quỹ đất các tổ chức cấp xã;

+ Tổng hợp kết quả kiểm kê và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê quỹ đất của các tổ chức trên địa bàn huyện, thị, thành;

+ Nhân sao và giao nộp sản phẩm.

c) Cấp xã:

+ Thu thập các tài liệu có liên quan;

- + Lập danh sách các tổ chức sử dụng, quản lý đất trên địa bàn xã, phường, thị trấn;
- + Phổ biến tuyên truyền kiểm kê;
- + Phối hợp điều tra đất của các tổ chức theo quy định;
- + Nhận tờ kê khai của các tổ chức, phân loại các tổ chức thuộc đối tượng trích lục, trích đo địa chính hoặc chỉnh lý trích lục;
- + Đối soát, kiểm tra tờ kê khai với hồ sơ giao đất, cho thuê đất, hồ sơ địa chính và các tài liệu có liên quan;
- + Tổng hợp số liệu và xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê quỹ đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức trên địa bàn xã, phường, thị trấn;
- + Nhân sao và giao nộp sản phẩm.

Trình tự cụ thể tiến hành kiểm kê diện tích đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Yêu cầu việc kiểm kê:

a) Đối với các trường hợp đã có hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Phải đối chiếu giữa hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ địa chính và các tài liệu có liên quan với hiện trạng sử dụng đất trên thực tế, được thể hiện trên bản đồ địa chính hoặc trên bản trích đo địa chính.

Trong số liệu kiểm kê về diện tích phải ghi rõ diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), diện tích đất đang sử dụng phù hợp hoặc không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt; diện tích đất lấn, chiếm, diện tích đất bị lấn chiếm, diện tích đất chuyển nhượng, cho thuê trái phép; diện tích đất đã đưa vào sử dụng nhưng còn để hoang hóa; diện tích đất sử dụng ít hiệu quả; diện tích đất chưa sử dụng; diện tích đất sử dụng sai mục đích.

Trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng có biến động về vị trí, hình thửa và diện tích thì phải phối hợp với đơn vị thi công đo đạc, xác định lại diện tích thực tế, báo cáo tình hình và đề xuất biện pháp xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp đất không có biến động, vẫn giữ nguyên hiện trạng theo quyết định giao đất, cho thuê đất và trích lục bản đồ hoặc trích đo địa chính (đã có trong hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) được lập theo đúng quy định hiện hành thì kiểm kê theo số liệu giao đất, cho thuê đất đã có và không phải lập trích lục bản đồ hoặc trích đo địa chính.

Trường hợp các bản trích lục bản đồ, trích đo địa chính chưa có dữ liệu dạng số thì phải số hóa theo quy định.

b) Đối với trường hợp chưa lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất

Phải lập biên bản ranh giới, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và thực hiện trích đo địa chính đối với nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc chỉnh lý bản đồ để trích lục đối với nơi có bản đồ địa chính nhưng hiện trạng đã có sự biến động so với bản đồ.

Nơi đã có bản đồ địa chính mà không có biến động so với hiện trạng sử dụng đất thì chỉ lập trích lục bản đồ để tổng hợp báo cáo.

3. Sản phẩm của phương án:

a) *Cấp xã*: Hồ sơ kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức gồm:

- Tờ kê khai hiện trạng sử dụng đất ở dạng giấy;
- Các bản trích lục, trích đo địa chính khu đất của từng tổ chức có trên địa bàn cấp xã (ở dạng giấy và dạng số).
- Biểu 01a-KKTC, biểu 1b-KKTC: dạng giấy và dạng số (nếu có).
- Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng đất của các tổ chức trên địa bàn cấp xã (dạng giấy).

Hồ sơ kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức được thành lập thành hai (02) bộ dạng giấy và dạng số (nếu có); 01 bộ lưu, 01 bộ gửi lên cấp huyện.

b) *Cấp huyện*: Hồ sơ kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức gồm:

- Hồ sơ kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các xã trực thuộc ở dạng số (trừ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng đất của các tổ chức trên địa bàn xã và tờ kê khai).

Trường hợp biểu 01a-KKTC, biểu 01b-KKTC của cấp xã ở dạng giấy thì cấp huyện phải nhập số liệu vào máy tính để có dữ liệu ở dạng số.

- Các biểu 02a-KKTC, 02b-KKTC, 02c-KKTC, 03a-KKTC, 03b-KKTC, 04-KKTC, 05-KKTC, 06a-KKTC, 06b-KKTC: dạng giấy và số.

- Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng đất của các tổ chức trên địa bàn cấp huyện (ở dạng giấy và dạng số).

Hồ sơ kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức được thành lập hai (02) bộ dạng giấy và dạng số; 01 bộ lưu, 01 bộ gửi lên cấp tỉnh.

c) *Cấp tỉnh*: Hồ sơ kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức gồm:

- Hồ sơ kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức các huyện trực thuộc (các biểu chỉ ở dạng số) trừ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng đất của các tổ chức trên địa bàn huyện.

- Các biểu 02a-KKTC, 02b-KKTC, 02c-KKTC, 03a-KKTC, 03b-KKTC, 04-KKTC, 05-KKTC, 06a-KKTC, 06b-KKTC, 07a-KKTC, 07b-KKTC: dạng giấy và số.

- Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng đất của các tổ chức trên địa bàn tỉnh.

Hồ sơ kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức được thành lập thành hai (02) bộ; 01 bộ lưu, 01 bộ gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (bộ gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường gồm 01 bộ số liệu kết quả kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức các cấp xã, huyện, tỉnh ở dạng số; bản trích lục, trích đo ở dạng số; các biểu kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức cấp tỉnh ở dạng số; các biểu kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức cấp tỉnh ở dạng giấy và số; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng đất của các tổ chức trên địa bàn tỉnh ở dạng giấy và số).

4. Thời điểm kiểm kê và thời hạn hoàn thành

a) Thời điểm thực hiện kiểm kê

Thời điểm thực hiện là ngày 01 tháng 4 năm 2008 trên địa bàn toàn tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện kiểm kê diện tích đất của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất đang quản lý, sử dụng.

b) Thời hạn hoàn thành

+ Cấp xã: Tổng hợp số liệu, báo cáo UBND cấp huyện (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường) **trước ngày 31 tháng 8 năm 2008.**

+ Cấp huyện, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh tổng hợp số liệu, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) **trước ngày 30 tháng 9 năm 2008.**

+ Sở Tài nguyên và Môi trường: Tổng hợp số liệu, dự thảo báo cáo thống nhất với các sở, ngành liên quan, trình UBND tỉnh **trước ngày 25 tháng 10 năm 2008**, đồng thời nộp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 31/10/2008.**

PHẦN III

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

I - Căn cứ lập dự toán

- Nghị định số 166/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung;

- Thông tư Liên tịch số 83/2003/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc phân cấp, quản lý và thanh quyết toán kinh phí đo đạc bản đồ, quản lý đất đai;

- Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 127/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính;

- Thông tư Liên tịch số 04/2007/TTLT-BTN&MT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2007 giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính về hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai;

- Quyết định số 05/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đo đạc bản đồ;

- Quyết định số 07/2007/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Quyết định số 11/2007/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện cho nhiều người sử dụng đất;

- Nghị quyết số 92/2006/NQ-HĐND ngày 08/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ;

- Các văn bản quy định về chế độ tài chính hiện hành có liên quan.

II - Dự toán kinh phí

- Chi phí trực tiếp

+ Chi phí kiểm kê ở cấp xã: dự tính trung bình cho 1 xã có 15 tổ chức

+ Chi phí kiểm kê ở cấp huyện: Tính cụ thể theo số xã của từng huyện

+ Chi phí kiểm kê ở cấp tỉnh cho 13 huyện

Mức chi cho kiểm kê ở 3 cấp trên áp dụng theo Thông tư Liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC và Thông tư 23/2007/TT-BTC.

+ Chi phí trích lục:

- Khối lượng: Tính theo kết quả tổng hợp báo cáo của các huyện, thành thị.

- Đơn giá: Áp dụng theo định mức trích lục bản đồ địa chính quy định tại Nghị quyết số 92/2006/NQ-HĐND ngày 08/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ.

+ Chi phí đo đạc, chỉnh lý bản trích lục:

- Khối lượng: Tính theo kết quả tổng hợp báo cáo của các huyện, thành, thị.

- Đơn giá: Tính theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 05/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đo đạc bản đồ.

+ Chi phí trích đo:

- Khối lượng: Tính theo kết quả tổng hợp báo cáo của các huyện, thành, thị.

- Đơn giá được tính theo đơn giá trích đo (khu vực đô thị và khu vực nông thôn) theo Quyết định số 05/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đo đạc bản đồ.

- **Chi phí chung, chi phí khác:** Áp dụng Thông tư số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC

2. Tổng hợp kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện dự tính: 6.080.546.000 đồng

(Sáu tỷ không trăm tám mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)

Trong đó:

+ **Cấp tỉnh:** 4.832.002.000 đồng, bao gồm:

- Chi phí quản lý; vật tư; in ấn tài liệu, biểu mẫu,... là 84.555.000 đồng;

- Chi phí lập trích lục, trích đo địa chính, đo đạc chỉnh lý trích lục: 4.747.447.000 đồng, trong đó:

* Trích lục: 27.080.000 đồng;

* Đo đạc chỉnh lý bản trích lục: 551.948.000 đồng;

* Trích đo: 4.168.419.000 đồng.

+ **Cấp xã:** 989.140.000 đồng

+ **Cấp huyện:** 259.404.000 đồng.

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

PHẦN IV

GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I - Giải pháp triển khai

1. Giải pháp kỹ thuật công nghệ

a) Giải pháp kỹ thuật cho trích lục và trích đo địa chính khu đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức

+ Giải pháp kỹ thuật trích lục địa chính khu đất phải đảm bảo các yêu cầu:

* *Tỷ lệ bản trích lục thửa đất của tổ chức phải bằng tỷ lệ bản đồ địa chính có khu đất đó.*

* *Ranh giới thửa đất của tổ chức trên bản đồ địa chính phải rõ ràng chính xác.*

+ Đo đạc bổ sung bản trích lục thửa đất, khu đất:

- Trường hợp sử dụng các điểm tọa độ từ điểm ĐC 2 trở lên để phục vụ việc đo đạc bổ sung bản trích lục thửa đất, khu đất thì phải chuyển kết quả đo đạc về hệ tọa độ Quốc gia VN-2000.

- Trường hợp sử dụng các địa vật ổn định có trên bản đồ, còn tồn tại ở thực địa để làm cơ sở đo đạc bổ sung bản trích lục thửa đất, khu đất thì không nhất thiết phải chuyển ngay kết quả đo đạc về hệ tọa độ Quốc gia VN-2000.

+ Trích đo địa chính thửa đất, khu đất:

- Trường hợp sử dụng các điểm tọa độ từ điểm ĐC 2 trở lên hoặc có điều kiện thuận lợi trong việc đo nối với các điểm tọa độ Nhà nước để làm cơ sở (điểm khởi) trích đo địa chính thửa đất, khu đất thì kết quả đo đạc phải chuyển về hệ tọa độ Quốc gia VN-2000.

- Trường hợp chưa có điều kiện đo nối với các điểm tọa độ Nhà nước, được phép sử dụng tọa độ độc lập. Trong khu đất hoặc gần khu đất cần trích đo địa chính phải

cắm (03) cọc bê tông cốt thép kích thước 10 x 10 x 50cm hoặc (03) cọc sắt đường kính lớn hơn hoặc bằng 1cm, dài 50cm (tùy theo chất đất ở khu vực đó) làm điểm khởi. Các điểm này phải chọn ở vị trí ổn định, tồn tại được trong thời gian 3 - 5 năm để sử dụng trong việc đo nối với hệ tọa độ Quốc gia VN-2000 sau này.

- Giải pháp kỹ thuật đo địa chính khu đất đang quản lý, sử dụng của tổ chức theo quy định kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Đối với đất có nguồn gốc nông, lâm trường; đất được Nhà nước giao cho UBND cấp xã sử dụng vào các mục đích: Đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích công ích; đất xây dựng các công trình công cộng về văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao, vui chơi giải trí, chợ, nghĩa trang, nghĩa địa và các công trình công cộng khác của địa phương thì UBND xã chỉ phải lập tờ kê khai hiện trạng đang quản lý, sử dụng và không phải trích lục, trích đo địa chính thửa đất, khu đất.

b) Giải pháp về kiểm kê diện tích đất đai

+ Số liệu kiểm kê diện tích đất các tổ chức trên địa bàn cấp xã được lập thành biểu do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

+ Số liệu diện tích đất đai các tổ chức trên địa bàn cấp huyện được tổng hợp từ số liệu của cấp xã.

+ Số liệu diện tích đất đai các tổ chức trên địa bàn cấp tỉnh được tổng hợp từ số liệu của cấp huyện.

Việc tổng hợp số liệu được thực hiện theo biểu mẫu bằng phần mềm do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

c) Nguyên tắc xử lý trường hợp có sự sai khác về số liệu, các thông tin khác giữa Tờ kê khai của tổ chức và hồ sơ địa chính hoặc trích đo thực tế:

- Trong quá trình đối soát, kiểm tra diện tích có những thửa đất, khu đất có đường ranh giới ổn định nhưng vẫn có sự sai khác số liệu diện tích hiện nay với số liệu giao, cho thuê trước đây mà nguyên nhân sai khác do đo đạc thì xử lý theo quy định tại Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Các trường hợp sai lệch khác cần giải thích rõ nguyên nhân.

- Trường hợp có sự sai khác giữa số liệu tổ chức tự kê khai và số liệu kiểm tra, đối soát của Ủy ban nhân dân xã thì phải lấy số liệu của Ủy ban nhân dân xã để tổng hợp.

2. Giải pháp nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực được huy động để thực hiện kiểm kê quỹ đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất:

- Cán bộ chuyên môn trong ngành tài nguyên và môi trường;
- Cán bộ của các tổ chức quản lý, sử dụng đất;
- Các đơn vị chuyên môn có đủ năng lực đáp ứng theo yêu cầu của công tác kiểm kê.

3. Giải pháp về kinh phí:

- Kinh phí cho các hoạt động kiểm kê đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất được cân đối bổ sung trong dự toán ngân sách Nhà nước năm 2008, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2008; đề nghị Trung ương hỗ trợ 50%.

- Kinh phí thực hiện kiểm kê đất quốc phòng, an ninh (kinh phí trích lục, trích đo địa chính khu đất và các nội dung chi cho công tác kiểm tra kê khác) theo dự án của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

II - Tổ chức thực hiện

1. Cấp tỉnh:

a) Ban chỉ đạo: Thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức của tỉnh, do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách khối làm Trưởng ban; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm Phó Trưởng ban và các thành viên bao gồm lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Cục thuế, Cục Thống kê.

Ban chỉ đạo kiểm kê quỹ đất của các tổ chức cấp tỉnh có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp, các ngành trong tỉnh tổ chức kiểm kê quỹ đất của các tổ chức đạt kết quả theo đúng tinh thần Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có trách nhiệm cử cán bộ phụ trách, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo cấp dưới, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chuyên môn giúp việc cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác kiểm kê quỹ đất của các tổ chức đang quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định.

b) Các sở, ban, ngành:

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Thương trực giúp Ban chỉ đạo kiểm kê tỉnh tổ chức thực hiện kiểm kê quỹ đất của các tổ chức trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng và thời gian quy định. Cung cấp các bản trích lục địa chính khu đất của các tổ chức (ở dạng giấy và dạng số) theo yêu cầu cụ thể của các xã, của các tổ chức, các đơn vị sử dụng đất quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh và chịu trách nhiệm tổ chức trích đo địa chính khu đất nếu khu đất của tổ chức chưa có bản đồ địa chính hoặc chưa có bản trích đo địa chính, tổ chức đo đạc bổ sung, trích lục địa chính (nếu cần) và chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kết quả trích đo địa chính khu đất nếu các tổ chức hoặc các xã đó hợp đồng với các tư vấn khác thực hiện. Chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, cán bộ địa chính xã thực hiện nhiệm vụ kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức trên địa bàn.

- Sở Tài chính: Chủ trì cùng Sở Tài nguyên và Môi trường tính toán kinh phí thực hiện kiểm kê; cân đối ngân sách tỉnh và đề xuất báo cáo để UBND tỉnh bổ sung ngân sách năm 2008 và đề nghị Bộ Tài chính hỗ trợ kinh phí cho tỉnh.

- Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh: Có trách nhiệm thực hiện kiểm kê đất sử dụng vào mục đích an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh theo phương án kiểm kê của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và theo tiêu chí, biểu mẫu của Bộ Tài nguyên và Môi trường; gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30/9/2008 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các sở, ban, ngành liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường nghiêm túc thực hiện công tác kiểm kê đất của các tổ chức đảm bảo chất lượng và thời gian quy định.

2. Cấp huyện: Thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch làm Trưởng ban, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường làm Phó trưởng ban và lãnh đạo các phòng, ban: Văn phòng, Tài chính - Kế hoạch, Thống kê, Chi cục Thuế, Công an, Ban chỉ huy Quân sự và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (các huyện), Phòng Kinh tế (thị xã, thành phố) - Ủy viên.

Ban chỉ đạo kiểm kê quỹ đất của các tổ chức cấp huyện có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ công tác giúp việc cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác kiểm kê quỹ đất của các tổ chức đang quản lý, sử dụng đất theo đúng phương án, kế hoạch của tỉnh và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với phòng, ban ở huyện chỉ đạo cán bộ địa chính cấp xã thực hiện nhiệm vụ kiểm kê quỹ đất năm 2008 của các tổ chức trên địa bàn địa phương.

3. Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trong việc thực hiện kiểm kê quỹ đất của các tổ chức trên địa bàn xã. Mỗi xã thành lập một tổ công tác để thực hiện điều tra, khảo sát, phát tờ khai, nhận tờ khai, thu thập, chỉnh lý tài liệu, số liệu phục vụ cho kiểm kê quỹ đất của các tổ chức và phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác trích lục, đo đạc bổ sung bản trích lục hoặc trích đo khu đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức.

4. Tổ công tác: Ở cấp tỉnh và cấp huyện thành lập tổ công tác để giúp việc cho Ban chỉ đạo kiểm kê quỹ đất của các tổ chức trên địa bàn, gồm các phòng chuyên môn và các ngành: Tài nguyên và Môi trường, Thống kê, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an, Quân đội. Tổ công tác có trách nhiệm giúp ban chỉ đạo hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp kết quả kiểm tra kê quỹ đất của các tổ chức theo quy định.

5. Các tổ chức đang quản lý, sử dụng đất:

Các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm rà soát; kê khai đầy đủ, đúng hiện trạng đất đang quản lý, sử dụng của tổ chức mình; hệ thống lại toàn bộ các tài liệu có liên quan đến việc được giao, được thuê đất; phối hợp với đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm kê để thực hiện kiểm kê đất của tổ chức mình.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc hoặc có các đề xuất, kiến nghị cần phản ánh kịp thời để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Doãn Khánh

Biểu số 01: TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KIỂM KÊ**Tổng kinh phí: 6.080.546.000 đồng***(Sáu tỷ không trăm tám mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn)**Đơn vị tính: 1000 đồng*

S T T	Đơn vị hành chính	Tổng chi phí	Chi phí thực hiện các công việc kiểm kê			Chi phí trích lục, đo đạc chỉnh lý bản trích lục, trích đo		
			Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Trích lục	Đo đạc chỉnh lý bản trích lục	Trích đo
	Toàn tỉnh	6.080546	989.140	259.404	84.555	27.080	551.948	4.168.419
	Chi tại sở	84.555			84.555			
1	TP Việt Trì	424.047	79.420	20.744	0	7.560	198.028	118.295
2	TX Phú Thọ	102.060	36.100	13.595		2.540	49.825	0
3	H Lâm Thao	149.096	50.540	16.053	0	2.420	80.083	0
4	H Phù Ninh	457.766	64.980	15.336	0	1.160	10.308	365.982
5	H Thanh Ba	227.327	93.860	23.652	0	6.260	103.555	0
6	H Hạ Hòa	705.170	119.130	27.367	0	2.220	66.386	490.067
7	H Đoan Hùng	659.313	101.080	23.606	0	1.000	6.823	526.804
8	H Tam Nông	271.204	72.200	19.540	0	380	8.285	170.799
9	H Thanh Thủy	660.536	54.150	16.531	0	500	2.866	586.489
10	H Cẩm Khê	915.097	111.910	26.163	0	1.080	11.305	764.639
11	H Yên Lập	255.592	61.370	17.735	0	780	5.016	170.691
12	H Thanh Sơn	609.678	83.030	21.347	0	1.180	9.468	494.653
13	H Tân Sơn	559.105	61.370	17.735	0	-	0	480.000